TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 176/2025/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu M, ngày 28 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 184/2025/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1989, địa chỉ: Số G đường N, khu I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Trần Thị Hồng P1, sinh năm 1988, địa chỉ: Số G đường N, khu I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 kết hôn với nhau vào năm 2019 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 12/3/2019. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà P1 và ông P1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do mâu thuẫn giữa bà P1 và ông P1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 có 02 con chung là Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 18/7/2019 và Nguyễn Trần Bảo N1, sinh ngày 05/9/2021. Sau khi ly hôn, giao các con chung cho bà Trần Thị Hồng P1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (20/3/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, giao các con chung là Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 18/7/2019 và Nguyễn Trần Bảo N1, sinh ngày 05/9/2021 cho bà Trần Thị Hồng P1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung thì người đang trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu**.**

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình P và bà Trần Thị Hồng P1 mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0001742 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Lê Văn Thiện